

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2025.
V/v Ly hôn, tranh chấp
Nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoan;
2. Bà Đinh Thu Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:** bà Trịnh Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Nơi thường trú: Khu Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thành L1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Thành L1 được tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, được đăng ký tại ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình vào năm 2022. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh L1. Anh L1 thể hiện là người gia trưởng, hai bên thường xuyên xung đột, đến tháng 11/2023 anh L1 đánh và đuổi hai mẹ con chị ra khỏi nhà vì vậy chị đã bế con về Phú Thọ để ở, hai vợ chồng ly thân, từ khi chị bế con về nhà ngoại

để ở anh L1 không gọi điện cũng như có hành động nào mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh L1.

Về con chung: chị và anh L1 có một con chung, cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 10/11/2022. Sau khi ly thân chị và cháu M đang ở nhà bà ngoại tại Phú Thọ, khi ly hôn chị xin được nuôi cháu M, không yêu cầu anh L1 phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Tại bản khai ngày 18/11/2024 anh Nguyễn Thành L1 trình bày: anh và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Sau ngày cưới vợ chồng sống cùng với bố mẹ anh tại thôn T xã Q. Trong sinh hoạt gia đình có mâu thuẫn cãi nhau nên tháng 11/2023 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở tỉnh Phú Thọ để ở. Hai bên không còn quan tâm đến nhau vợ chồng tự lo cho cuộc sống riêng. Mâu thuẫn vợ chồng không được hai bên gia đình hoà giải, nay chị L làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, mâu thuẫn vợ chồng nhỏ nhặt nên anh đề nghị xin được đoàn tụ.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân anh và chị L có một con chung cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 10/11/2022. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn anh xin nuôi cháu M, không yêu cầu chị L đóng góp phí tổn nuôi con anh

V tài sản chung và nợ chung: anh và chị L không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được Ly hôn với anh Nguyễn Thành L1;

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 10/11/2022 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không được ai ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh L1 có địa chỉ nơi cư trú tại thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh L1 chị L. Toà án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị L, anh L1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình vào năm 2022. Là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh L1 đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị L làm đơn xin ly hôn anh L1. Yêu cầu về việc giải quyết ly hôn là chính đáng cần được pháp luật bảo vệ, được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung vụ án: chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Thành L1 vào năm 2022, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống hai vợ chồng không có sự chia sẻ, anh L1 thể hiện là người nóng tính, không quan tâm đến vợ con, khi mâu thuẫn xảy ra anh L1 thường xuyên dùng vũ lực và đánh đuổi vợ ra ngoài. Tháng 11/2023 sau khi vợ chồng mâu thuẫn anh L1 đánh và đuổi vợ ra ngoài, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở Phú Thọ để sinh sống, hai bên ly thân từ đó, hai bên tự lo cho cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến đời sống của nhau. Chị L đề nghị được ly hôn anh L1.

Bà Hoàng Thị L2 là mẹ đẻ của chị L trình bày khi chị L xây dựng gia đình với anh L1, sau ngày cưới vợ chồng chị L, anh L1 ở với bố mẹ anh L1 tại xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Bà được chị L kể lại trong cuộc sống anh L1 thể hiện là người vô trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con, tháng 11/2023 anh L1 đánh chị L và đuổi đi vì vậy chị L đã bế con về ở với bà, kể từ khi chị L về Phú Thọ cho đến nay đã hơn 1 năm nhưng bản thân anh L1 cũng như gia đình anh L1 chưa một lần gọi điện cũng như lên trao đổi, hoàn giải để vợ chồng trở về đoàn tụ. Vì vậy bà đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng anh L1 và chị L được ly hôn.

Anh L1 xác định vợ chồng có mâu thuẫn nên tháng 11/2023 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở tỉnh Phú Thọ. Hai bên không còn quan tâm đến nhau vợ chồng tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Mâu thuẫn vợ chồng không được hai bên gia đình hoà giải. Kể từ khi chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình anh cũng chưa một lần lên đề động viên hay có biện pháp nào để vợ chồng trở về đoàn tụ nay chị L làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý.

Toà án xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh L1 và chị L kết hôn với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ của anh L1 tại thôn T, xã Q thành phố T. Quá trình chung sống anh L1, chị L chưa lần nào nhờ chính quyền địa phương xuống hoà giải về mâu thuẫn vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị L được ly hôn với anh L1 căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị L, anh L1 có 1 con chung cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 10/11/2022 hiện nay cháu đang ở cùng với chị L và bà ngoại tại tỉnh Phú Thọ. Anh L1 và chị L đều đề nghị được nuôi cháu M và không yêu cầu phải góp phí tổn nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Tuấn M đang ở cùng với chị L, cháu M chưa tròn 36 tháng tuổi theo quy định của pháp luật việc giao con cho ai nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy giao cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 10/11/2022 cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Nguyễn Thành L1.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 10/11/2022 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số: 0000463 ngày 01/10/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Chị L đã nộp đủ án phí.

Chị L, anh L1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Quang Sơn
- Lưu hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - CHỦ TỌA phiên tòa

Đã ký

Phan Ngọc Hà

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS thành phố Tam Điệp;
- UBND xã Quang Sơn, TP Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ, VP.
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Ngọc Hà